

THỰC TRẠNG VÀ XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI CƠ CẤU XÃ HỘI NÔNG THÔN TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI HIỆN NAY

TÔ DUY HỢP

I- VAI ĐIỀU VỀ CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN NGHIÊN CỨU XÃ HỘI HỌC NÔNG THÔN.

Theo chúng tôi, khái niệm "cơ cấu xã hội" là sự cụ thể hóa của khái niệm "cơ cấu" trong *lý thuyết hệ thống*. Cơ cấu là hệ thống các mối quan hệ gắn bó với nhau giữa các yếu tố và bộ phận hợp thành chính thể ít nhiều bền vững. Cơ cấu nào cũng có 2 tính: *chính thể* và *phức thể*. Chính thể là đặc trưng chung của toàn bộ hệ thống, phân biệt nó với môi trường ngoài hệ thống. Còn phức thể là đặc trưng phân hóa, tổ chức nội bộ của hệ thống. Cơ cấu xã hội là hệ thống các mối quan hệ gắn bó lẫn nhau giữa con người với con người, giữa các cộng đồng người hợp thành chính thể xã hội. Tính chính thể của cơ cấu xã hội thường được nhìn nhận và xem xét theo *quan điểm hình thái kinh tế - xã hội*. Mỗi hình thái kinh tế - xã hội đều là sự thống nhất hữu cơ giữa *cơ sở hạ tầng* (tức là tổng thể các quan hệ sản xuất) và *kiến trúc thượng tầng* (bao gồm các hình thái ý thức xã hội cùng với các thiết chế xã hội tương ứng, như chính trị, pháp luật, đạo đức tôn giáo, v.v...). Lịch sử xã hội loài người nói chung, cũng như lịch sử các cộng đồng quốc gia - dân tộc đều là lịch sử tồn tại, vận động, phát triển, của các hình thái kinh tế - xã hội. Nó tuân theo các quy luật của tất yếu lịch sử - tự nhiên, trong đó có 'ý nghĩa quyết định căn bản nhất là *quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất xã hội*. Nói khác đi, quyết định luận lịch sử - tự nhiên khẳng định tính tự vận động của cơ cấu xã hội chính thể, song tính tự vận động đó là tương đối, theo nghĩa phụ thuộc căn bản vào các điều kiện và môi trường tự nhiên. Đi sâu vào tính phức thể của cơ chế xã hội có thể nhìn nhận, xem xét nó theo nhiều cách phân tích cơ cấu khác nhau. Nếu nhìn nhận diện lĩnh vực rộng lớn thì cơ cấu xã hội thường bao gồm các lĩnh vực như *kinh tế, chính trị, tinh thần, văn hóa*. Bản thân các lĩnh vực này đều là các hệ thống phức tạp, tức cũng là các phức thể. Để làm lộ rõ tính đặc thù xã hội (khía cạnh đặc thù xã hội, mặt đặc thù xã hội) của cơ cấu xã hội thì người ta có thể phân tích cơ cấu xã hội theo bộ khung phạm trù sau đây: yếu tố của cơ cấu xã hội chính là *nhân vật xã hội*. Mỗi nhân vật xã hội đều có *vị thế* và *vai trò* xã hội nhất định. Sự tương quan và tương tác giữa các nhân vật xã hội tạo thành các *nhóm xã hội* khác nhau như gia đình, họ hàng, xóm làng, đẳng cấp, giai cấp v.v... Vì thế, vai trò của các nhân vật xã hội về nguyên tắc phải phù hợp với các quy chế tổ chức và hoạt động của nhóm xã hội. Một tập hợp ít nhiều bền vững của các vị thế, vai trò và nhóm xã hội theo các *giá trị, chuẩn mực* nhất định, vận hành xung quanh một nhu cầu xã hội cơ bản gọi là *thiết chế xã hội*, như gia đình, giáo dục, y tế, hệ thống kinh tế, hệ thống chính trị, tôn giáo, v.v... sự hội nhập của các thiết chế xã hội tạo ra hệ thống *văn hóa, văn minh*, phân biệt hệ thống xã hội với hệ thống tự nhiên, và giữa các hệ thống xã hội khác nhau.

Cơ cấu xã hội nông thôn là hệ thống các quan hệ xã hội và hoạt động xã hội ở địa bàn nông thôn, nó phân

biệt với cơ cấu xã hội đô thị. Tính chỉnh thể tương đối của hệ thống xã hội nông thôn không chỉ phân biệt nó với hệ thống xã hội, đô thị mà còn phân biệt nó với các hệ thống khác nhau: nông thôn chỉ là một bộ phận của xã hội tổng thể, nông thôn ở trong môi trường vật chất - kỹ thuật (giới tự nhiên do con người sáng tạo ra) và trong môi trường tự nhiên, trước hết là sinh thái tự nhiên. Tính phức thể của cơ cấu xã hội nông thôn thể hiện ở *các nhân vật xã hội nông thôn (nông dân, thợ thủ công, dân buôn bán, trí thức...)*, không chỉ bị quy định bởi thiết chế kinh tế *nông nghiệp*, mặc dù đó là thiết chế nền tảng của xã hội nông thôn, mà còn bị quy định bởi tất cả các loại thiết chế xã hội khác như chính trị, giáo dục, y tế, tôn giáo, gia đình... Ở nông thôn. Tổ chức *xóm làng* vừa thể hiện tính chỉnh thể (đơn vị thống nhất xã hội nông thôn) vừa thể hiện tính phức thể của xã hội nông thôn, vì các làng xã khác nhau về dân cư, lãnh thổ, phong tục, tập quán (*lệ làng*) làm cho cơ cấu xã hội nông thôn phức tạp, đa dạng, phong phú.

Cơ cấu xã hội nông thôn ngày nay khác với cơ cấu xã hội nông thôn ngày xưa, không giống cơ cấu xã hội nông thôn thời kỳ bao cấp vừa qua và chắc chắn sẽ tiếp tục thay hình đổi dạng. Như vậy là khi khảo sát, điều tra xã hội học để thu thập số liệu trong hiện thực, ta cần lưu ý chỉ ít ba loại hình cơ cấu xã hội ở nông thôn: (1) *cơ cấu xã hội truyền thống*, (2) *ca cấu xã hội quá độ* và (3) *cơ cấu xã hội hiện đại hoá*. Trong truyền thống có 2 thành phần chính, trước hết là thành phần *cổ truyền* và sau đó là thành phần những biến dạng lịch sử được *lưu truyền*. Quá độ cũng có 2 giai đoạn: *quá độ kiểu cũ* trong thời kỳ bao cấp vừa qua và *quá độ kiểu mới* trong thời kỳ đổi mới hiện nay. Tương ứng với giai đoạn quá độ kiểu cũ là đường lối *hiện đại hóa kiểu cũ* và phù hợp với giai đoạn quá độ kiểu mới phải là đường lối *hiện đại hóa kiểu mới*.

Bộ khung phạm trù thích hợp nhất để phân tích cơ cấu xã hội nông thôn nước ta hiện nay có lẽ là: (1) - xã hội truyền thống, (2) - xã hội quá độ kiểu mới và (3) - xã hội hiện đại hóa kiểu mới. Trên cơ sở bộ khung phạm trù cơ bản này, người ta có thể xây dựng hệ thống quan điểm lý thuyết để nhận thức thực tế.

II. THỰC TRẠNG VÀ XU HƯỚNG ĐỔI MỚI CƠ CẤU XÃ HỘI TRONG LINH VỰC KINH TẾ NÔNG THÔN.

Thước đo chủ yếu của đổi mới cơ cấu xã hội trong lĩnh vực kinh tế ở nông thôn nước ta hiện nay là tốc độ và quy mô chuyển sang cơ chế thị trường, nói khác đi, là *mức độ năng động thị trường*. Các số liệu khảo sát, điều tra xã hội học vi mô đều cho thấy *tính không đồng đều* của các hộ gia đình và các làng xã trong bước chuyển đổi sang kinh tế thị trường. Chẳng hạn như ở vùng đồng bằng Bắc Bộ có một số xã như Ninh Hiệp, Đình Bảng... đã chuyển mạnh sang cơ chế thị trường, thậm chí đã từ lâu, trước thời kỳ đổi mới; một số xã khác như Nguyên Xá, Dương Liễu, Văn Môn, v.v... đang chuyển mạnh sang cơ chế thị trường, nhất là vài ba năm gần đây. Trong khi đó, tuyệt đại bộ phận các làng xã khác vừa chậm trễ vừa yếu kém trong cố gắng chuyển dần sang cơ chế thị trường. Ngay ở mức trao đổi hàng hóa thông thường, ở nhiều làng xã vẫn chưa là hiện tượng phổ biến. Thí dụ, ở xã Đông Dương (Đông Hưng, Thái Bình), một xã có lợi thế địa lý - nhân văn: cận giang, cận lộ, cận thị, có chợ phiên ngay ở đầu còng vào xã, ấy vậy mà cuối 1992 có 75,4% ý kiến trả lời không bán thóc gạo, 88,4% - không bán hoa màu, 71,3% - không bán gia cầm; 86,4% - Không có bán sản phẩm tiểu thủ công nghiệp. Thị trường mua - bán hàng hóa (tiêu dùng và tư liệu sản xuất) còn rất non kém như thế, thì các loại thị trường khác như thị trường mua - bán sức lao động, thị trường tiền tệ - tín dụng còn non kém hơn, thậm chí chưa xuất hiện. Chúng tôi *vẫn chưa có thị trường đầy đủ, đồng bộ*. Số liệu khảo sát điều tra xã hội học ở xã Đông Dương

(11-1992) khá tiêu biểu cho tình trạng non kém này: 70, 8% ý kiến trả lời không vay nợ. Số còn lại cho biết có vay, song chỉ vay họ hàng, xóm giềng không chịu lãi suất (94,4%). Tỷ lệ vay để đầu tư sản xuất rất thấp (10%) còn lại chi tiêu ngoài sản xuất: ăn, chữa bệnh, sửa chữa nhà cửa v.v...; 92,5% ý kiến trả lời không có thu nhập từ làm thuê; công cụ sản xuất nếu có tiếng thường chỉ để dụng, không cho thuê mướn.

Hậu quả tất yếu của quá trình chuyển mạnh sang kinh tế thị trường là *sự phân tầng mức sống (giàu - nghèo)*. Hiện thời nhìn chung sự phân tầng mức sống ở nông thôn có dạng giống hình thoi. Ở làng xã giàu có thì dạng giống hình thoi của phân tầng mức sống phình to về phía đỉnh giàu có, nghĩa là số hộ gia đình khá giả, giàu có nhiều hơn số hộ gia đình thiếu ăn, nghèo đói. Ngược lại, ở làng xã nghèo khổ thì dạng giống hình thoi của phân tầng mức sống phình to về phía đáy nghèo đói: số hộ nghèo nhiều hơn số hộ giàu. Khoảng cách 2 cực giàu - nghèo ở làng xã yếu kém hãy còn chưa lớn lắm, khoảng 3 - 4 lần, trong khi đó ở làng xã khá giả hoặc giàu có đã lên tới 10 lần, thậm chí có trường hợp trên mấy chục lần. Một trong những nhân tố quyết định sự phân tầng mức sống hiện nay ở nông thôn là sự chuyển đổi cơ cấu lao động xã hội nghề nghiệp theo hướng giảm trừ nông nghiệp để tăng phần kết hợp với phi nông nghiệp hoặc chuyển hẳn sang phi nông nghiệp. *Mức độ phân tầng mức sống phụ thuộc vào mức độ phi nông nghiệp hóa ở nông thôn. Hiện thời; lợi thế vượt trội kinh tế thị trường thuộc về nhóm hộ kinh doanh tổng hợp.* Điều này thấy rõ qua điều tra mẫu đại diện. Chẳng hạn, ở Đông Dương tháng 11 năm 1992, với 296 mẫu điều tra, ta có ma trận tương quan giữa các nhóm hộ nghề nghiệp với phân tầng mức sống giàu - nghèo như sau:

	Thuần nông	Hỗn hợp	Tổng cộng
1. Sung túc	2,9	9,6	6,4
2. Đủ ăn	63,6	81,4	73
3. Thiếu ăn	32,1	9	19,9
4. Nghèo đói	1,4	0	0,7
Tổng cộng	47,3	52,7	100

Ở làng xã đang chuyển mạnh sang cơ chế thị trường thì *nhóm hộ phi nông nghiệp mạnh thế không kém nhóm hộ kinh tế hỗn hợp nếu cộng gộp cả 2 thì nhóm hộ phi nông nghiệp hoá mạnh thế hơn hẳn nhóm hộ thuần nông*. Thí dụ, ở Văn Môn với 300 mẫu hộ được điều tra tháng 11 năm 1992

	Thuần nông	Hỗn hợp	Phi nông	Tổng cộng	%
1. Giàu có	0,5	3,3	8	2	
2. Khá giả	7,1	16,5	28	11,7	
3. Đủ ăn	71,7	72,5	64	71,3	
4. Thiếu ăn	18,5	7,7	0	13,7	
5. Nghèo đói	2,2	0	0	1,3	
Tổng cộng	61,3	30,3	8,3	100	

Tính ổn định của sự tăng trưởng kinh tế thị trường nhìn chung được giữ vững, nhất là đối với nhóm xã hội vượt trội. Người giàu nói chung cứ tiếp tục giàu hơn trước; cả xã hội xóa bớt đói, giảm bớt nghèo.

Biểu đồ so sánh mức sống 1992 với 1988 ở Văn Môn:

						%
	Tăng nhiều	Tăng ít	Như cũ	Giảm ít	Giảm nhiều	Tổng cộng
1. Giàu có	83,3	16,7	0	0	0	2
2. Khá giả	56	36	8	0	0	8,36
3. Đủ ăn	16,7	42,4	31	9,5	0,5	70,23
4. Thiếu ăn	1,9	32	41,5	20,8	3,8	17,73
5. Nghèo đói	0	40	40	20	0	1,67
Tổng cộng	18,4	39,5	30,4	10,7	1	100

Biểu đồ so sánh mức sống 1992 với 1991 ở Đông Dương:

						%
	Tăng nhiều	Tăng ít	Như cũ	Giảm ít	Giảm nhiều	Tổng cộng
1. Sung túc	42,1	47,4	0	0	10,5	6,4
2. Đủ ăn	3,7	59,7	5,6	0,5	30,6	73
3. Thiếu ăn	0	33,9	25,4	3,4	37,3	19,9
4. Nghèo đói	0	0	0	150	50	0,7
Tổng cộng	5,4	53,4	9,1	1,4	30,7	100

Như và là cơ động dọc của phần tầng mức sống chủ yếu hướng về phía đình giàu có, mặc dù tốc độ rất chậm chạp, quy mô còn hạn chế. Vì sao như vậy có nhiều nguyên nhân cần phải nghiên cứu kỹ. Song hiện ra trước mắt có thể trông thấy là *nông thôn nước ta đang thiếu hụt nhiều tiền đề, điều kiện kinh tế - xã hội để có thể chuyển mạnh sang kinh tế thị trường. Không có vốn hoặc thiếu vốn là tình trạng phổ biến trầm trọng ở tất cả các vùng, miền.* Sau đó là hàng loạt khó khăn, trở lực khác, như *thiếu kinh nghiệm, thiếu lao động chuyên môn cao, thiếu công cụ, thiếu địa bàn, kết cấu hạ tầng không thích hợp, không tiêu thụ được sản phẩm v.v...* thêm vào đó, tuy thị trường còn rất non yếu song mặt trái (tiêu cực) của nó cũng đã bộc lộ, khiến cho người dân nông thôn vốn chưa quen với cơ chế thị trường rất bần khoản, lo lắng, rụt rè trong trao đổi hàng hóa (rất sợ hàng giả, rất sợ bị lừa...), không dám mạnh dạn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh hàng hóa (vẫn còn chờ thời xem sao...). Tình trạng trốn lậu thuế, tham nhũng không bị nghiêm trị, khiến cho người dân chưa tin tưởng hoàn toàn vào pháp luật Nhà nước.

Xu hướng đổi mới tiếp tục của cơ cấu xã hội trong lĩnh vực kinh tế ở nông thôn đang bộc lộ rõ nét dần. Trục chính của nó là *tăng cường, nâng cao tính năng động thị trường của mọi nhóm xã hội và cư dân nông thôn.* Điều kiện tối thiểu để vượt trội kinh tế thị trường là mức sống phải đủ ăn, đủ tiêu, có dư chút ít để tái sản xuất mở rộng. Nhưng làm thế nào để các hộ gia đình các làng xã nghèo khổ thoát khỏi cái vòng lẩn quẩn của sự nghèo khổ thiếu thốn? Phải có hàng loạt những biện pháp đồng bộ và hiệu quả cao, trong đó trước hết là *giảm mạnh tỉ lệ tăng dân số tự nhiên* (xóa bỏ nguyên nhân nghèo khổ vì đông con, đông dân); *chuyển đổi mạnh cho hướng phi nông nghiệp hóa* (Kinh tế hỗn hợp hoặc phi nông nghiệp hoàn toàn) để tăng mạnh thu nhập đủ sức tích lũy để phát triển sản xuất kinh doanh hàng hóa, *năng cấp kết cấu hạ tầng* để mở rộng giao lưu, thông thoát thị trường trong - người và không kém phần quyết định *sớm hình thành nhóm xã hội vượt trội kinh tế thị trường*

để làm đầu tàu lôi kéo cả cơ cấu xã hội nông thôn vươn lên, nhờ chiến lược mở rộng hợp tác, liên doanh, liên kết kinh tế trong nước và quốc tế.

III. THỰC TRẠNG VÀ XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI CƠ CẤU XÃ HỘI TRONG CÁC LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ VÀ VĂN HÓA NÔNG THÔN.

Nhu cầu chuyển nhanh, mạnh sang cơ chế thị trường đòi hỏi các lĩnh vực chính trị văn hóa, tư tưởng phải có những chuyển đổi tương ứng. Mở rộng tự do, dân chủ hóa; đa dạng hóa đời sống văn hóa; mở cửa, mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế - tất cả những quá trình đổi mới chính trị - xã hội - văn hóa này đều nhằm mục tiêu chung dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh hiện đại.

Năng động thị trường hiện nay ở nông thôn chủ yếu là năng động vi mô. Do đó, một cách tương ứng, người dân mong muốn được tăng quyền *tự chủ* của các hộ gia đình và *tự quản* của các xóm làng. Trước hết là *ý muốn tăng quyền tự chủ trong sử dụng ruộng đất*. Kết quả điều tra 300 hộ đại diện ở xã Văn Môn (11-1992) cho thấy như sau; (1) - để lại cho con cháu nói chung: 133 (44,3%); (2) - Được quyền sử dụng lâu dài hơn hiện nay: 81 (27%); (3) - cho con trai thừa kế: 51 (17%); (4) - Được mua bán tự do: 11 (3,7%). Nhóm ý kiến cuối cùng tuy có tỉ trọng còn nhỏ bé, song đáng được lưu ý, vì nó thể hiện nguyện vọng tư hữu hóa ruộng đất canh tác và với cơ chế thị trường đang tăng trưởng, sau một thời gian nhất định ruộng đất canh tác sẽ tập trung vào tay những hộ giàu hoặc hộ chuyên nông trại hàng hóa, khi đó tỉ suất hàng hóa nông sản sẽ có điều kiện tăng lên, kinh tế thị trường trong nông nghiệp sẽ định hình rõ nét hơn.

Tăng quyền tự chủ của hộ gia đình xã viên không có nghĩa là thủ tiêu quyền quản lý thống nhất của hợp tác xã. Cho đến nay xã viên vẫn nhờ hợp tác xã giúp đỡ, dịch vụ nhiều khâu quan trọng: kế hoạch sản xuất đúng thời vụ; hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi; bảo đảm thủy lợi; bảo vệ đồng ruộng... Yêu sách của đại đa số xã viên là tiếp tục tinh giản biên chế ban quản trị hợp tác xã, bảo đảm các khâu dịch vụ kịp thời và cơ bản nhất là *chuyên quỹ hợp tác xã sang phí dịch vụ theo cơ chế thị trường*. Như thế là hợp lý và hợp tình, vì "quỹ hợp tác xã" là sản phẩm của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp phải xóa bỏ để thay vào đó "phí dịch vụ và phù hợp với cơ chế thị trường đang hình thành ở nông thôn. Như vậy là xu thế chung của đổi mới không đi theo hướng nhất bên trọng nhất bên khinh: thời bao cấp tập thể là nhất, còn thời đổi mới hiện nay: hộ gia đình là nhất. *Tuyệt đại bộ phận người dân nông thôn đều muốn kết hợp cả hai: tăng cường quyền tự chủ sản xuất kinh doanh hàng hóa của các hộ gia đình cùng với tăng năng lực quản lý của hợp tác xã theo cơ chế thị trường.* Đây hầu như là tính quy luật chung của công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội nông thôn ngày nay. Chẳng hạn như yêu sách tăng quyền tự quản của cộng đồng xóm thôn, nhất là của xóm làng cổ truyền vốn có truyền thống tự quản toàn diện kinh tế - chính trị - văn hóa. Tỉ lệ ý kiến đề cao nhân vật trưởng thôn qua 300 mẫu đại diện ở xã Văn Môn (11 - 1992) nói chung rất lớn. Trước hết là rất cần củng cố và phát huy vai trò nhân vật trưởng thôn - đại diện chính thức cho quyền tự quản cộng đồng, tổng số ý kiến đồng tình: 240 (80%), riêng thôn Phù Xá: 64 (91,4%), Tiên Thôn: 67 (82,7%) Quan Đơn: 60 (82,2%), Mẫu Xá: 28 (68,3%), Quan Đình: 20 (57,1%). Rõ ràng nhu cầu tăng quyền tự chủ và tự quản tỏ ra bức thiết hơn trước nhiều; song mặt khác nguyện vọng muốn tăng cường Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân cũng tha thiết không kém. Qua 202 mẫu đại diện ở xã Xuân Sơn (Đông Triều, Quảng Ninh), 7 - 1993, ta thấy rõ người dân nông thôn kiến nghị Đảng và Chính phủ đổi mới tiếp tục tất cả các chính sách kinh tế và xã hội. Sau đây là thứ tự phân bố số lớn các ý kiến trả lời:

- Tăng quyền sử dụng ruộng đất lâu dài (kể cả quyền thừa kế, chuyển nhượng, thế

chấp, cho thuê mướn):	165 (81,7%);
- Giám thuế sử dụng đất và thủy lợi phí:	128 (63,4%);
- Đổi mới tiếp tục hợp tác xã nông nghiệp theo hướng tiếp tục tinh giản biên chế ban quản trị và chuyên quỹ Hợp tác xã sang phí dịch vụ:	71 (35,1%);
- Bảo trợ nông nghiệp, bảo hiểm sản xuất:	64 (31,7%);
- Giảm giá vật tư - kỹ thuật nông nghiệp:	60 (29,7%);
- Khuyến nông: hướng dẫn áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật:	50 (24,8%);
- Mở rộng các hình thức tín dụng nông thôn:	36 (17,8%);
- Bảo đảm thị trường tiêu thụ nông sản hàng hóa:	12 (5,9%);
- Đổi mới tiếp tục các chính sách xã hội về giáo dục, y tế, văn hóa văn nghệ...:	29 (14,4%)

Xu hướng đổi mới các định hướng giá trị cũng vậy. Ngày xưa, xã hội nông thôn *trọng đạo đức* nhân nghĩa song không bao giờ duy đạo đức, vì ngoài ra còn trọng nông, trọng sĩ (trọng trí thức) v.v... thời đại cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và quá độ theo kiểu cũ vừa qua tuy có đề *cao chính tả* song cũng không bao giờ duy chính trị, vì ngoài ra vẫn bảo lưu truyền thống trọng đạo đức, trọng xỉ (trọng lão)... Thời kỳ đổi mới hiện nay đang có xu hướng tăng cường *trọng giàu, trọng tiền*; song *xu hướng chung, phổ biến hơn vẫn là muốn lỏng ghep, hội nhập các chuẩn mực giá trị truyền thống lịch sử, truyền thống cách mạng với định hướng giá trị hiện đại hóa*. Chẳng hạn, về điều kiện gia đình hạnh phúc, qua 301 mẫu đại diện ở xã Đông Dương (11 - 1992) ta thấy như sau: (1) - Kinh tế vững vàng: 276 (91,7%), (2) - gia đình hòa thuận: 235 (78,1%), (3) - Hòa thuận xóm làng: 52 (17,3%); (4) - Con cái được học hết cấp 3, đại học: 45 (15%); (5) - Chăm sóc bố mẹ già: 30 (10%), (6) - điều kiện khác: 102 (33,9%). Rõ ràng điều kiện kinh tế vững vàng đang có xu hướng được tôn lên đầu bảng định hướng giá trị; song không phải là định hướng giá trị duy nhất, ngoài ra các định hướng giá trị siêu kinh tế cũng được rất coi trọng. Về tiêu chuẩn người được kính trọng trong làng xã cũng vậy. Với 202 mẫu đại diện ở xã Xuân Sơn (7 - 1993) ta có kết quả phân bố số lớn ý kiến trả lời như sau: (1) - Biết làm ăn kinh tế giỏi: 182 (90,1%); (2) - Đạo đức trong sạch: 103 (51%); (3) - Gia đình hòa thuận: 97 (48%); (4) - Chăm sóc bố mẹ già: 95 (47%); (5) - Học cao, hiểu biết rộng: 66 (32,7%); (6) - Tích cực tham gia công tác xã hội: 47 (23,3%); (7) - Con cái được học hành đến nơi đến chốn: 36 (17,8) *Điều chắc chắn là cả 3 loại uy tín: đạo đức, quản lý và kinh tế bao giờ cũng có mặt* trong hệ thống chuẩn mực và định hướng giá trị văn hóa, văn minh. Còn tùy nơi, tùy lúc một trong 3 loại uy tín kể trên chiếm vị trí đầu bảng. Trong xu thế chuyển mạnh sang kinh tế thị trường, thi đua làm giàu hiện nay, định hướng giá trị trọng giàu, trọng tiền đang được đa số người dân nông thôn tôn lên đầu bảng, song rõ ràng là với điều kiện phải kết hợp chặt chẽ với các giá trị truyền thống (trọng đức, trọng nghĩa...) và các giá trị hiện đại hóa (trọng trí thức khoa học - kỹ thuật, trọng công nghệ cao...).

Đó là những chỉ báo đáng mừng, cho thấy *khả năng kết hợp tốt quá trình tăng trưởng kinh tế thị trường nói quá trình tiến bộ xã hội*. Song đó chỉ là khả năng. Còn trong thực tế sẽ diễn ra cuộc đấu tranh lúc ngầm ngầm lúc gay gắt với các khuynh hướng lệch lạc. Và nhất định nhiều vấn đề lớn sẽ nổi cộm lên khi mà cơ cấu xã hội nông thôn tiếp tục chuyển mạnh theo hướng hiện đại hóa kiểu mới. Các quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa và định hướng xã hội chợ nghĩa kiểu mới sẽ làm thay đổi sâu sắc cơ cấu xã hội nông thôn truyền thống để chuyển thành cơ cấu xã hội văn minh hiện đại. Con đường phấn đấu còn lâu dài, song triển vọng tất đẹp đang hiện ra trước mắt.